

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 8 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Đỗ Kim Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Q; ĐKKHKT và trú tại: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Chị M; ĐKKHKT và trú tại: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận

đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh và chị M bất đồng trong quan điểm sống. Hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả; hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu T, sinh ngày 16-12-2004 và P, sinh ngày 16-8-2010. Khi ly hôn anh đề nghị giao hai con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là chị M trình bày về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn và con chung như anh Q trình bày. Do hiện tại do chị có công việc trong thành phố Hồ Chí Minh và vì dịch bệnh Covid nên chị không về giải quyết được. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt chị. Chị có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Q, đề nghị được nuôi hai con và về tài sản chung chị và anh Q sẽ tự giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi anh Q và chị M sinh sống thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã ly thân.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn chị M. Về con chung, anh đồng ý để chị M nuôi cả hai con chung. Về tài sản anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh Q được ly hôn chị M. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của anh Q và chị M, giao hai con chung T và P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung anh Q, chị M không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Q và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố H; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, chị M hiện đang cư trú tại phường H, quận D, thành phố H, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Q và chị M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống không còn phù hợp và chị M và các con đã dọn ra ngoài ở, không cùng chung sống với anh Q nữa. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: anh Q và chị M xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, anh Q và chị M đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M do dịch bệnh covid 19 nên vắng mặt và đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt chị nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của

anh Q về việc xin ly hôn chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Anh Q và chị M có 02 con chung là cháu T, sinh ngày 16-12-2004 và P, sinh ngày 16-8-2010, hiện hai con đang ở với chị M, cả anh Q và chị M đều đề nghị giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q, chị M đều thống nhất để chị M nuôi con, cả hai cháu Tuấn và cháu Phương cũng có nguyện vọng ở với chị M; đề nghị của anh Q, chị M và các cháu Tuấn và cháu Phương là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị M chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[5] Anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Anh Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Anh Q và chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q được ly hôn chị M.

2. Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp nuôi hai con chung T, sinh ngày 16-12-2004 và P, sinh ngày 16-8-2010, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi anh Q và chị M có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0013401 ngày 23-6-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.H,Q.D, H (ĐKKH số 09/2003, Q1/2003);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung